

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGÃ NĂM  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 13/8/2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Vàng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Thái

Ông Bùi Chí Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã  
Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phan T, sinh năm 1999 (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: Lô B, khu dân cư P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

**- Bị đơn:** Anh Trần N, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 27/5/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phan T trình bày:

Chị và anh Trần T được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 26/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng chị sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau chị và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và anh N đã ly thân với nhau từ tháng 11/2022 đến nay. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trần N.

Về con chung: Chị và anh Trần N có một con chung tên Trần P, sinh ngày 15/02/2018. Cháu P hiện nay đang sống chung với anh N và ông bà nội, chị đồng ý tiếp tục giao cháu P cho anh N nuôi dưỡng do cháu P từ nhỏ đến nay đã sống bên gia đình nội, quen môi trường sống bên nội, khi chị và anh P đi làm thuê ở

thành phố thì vợ chồng chị vẫn gửi cháu P cho ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay, chị sẽ cấp dưỡng nuôi cháu P một tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến khi cháu P đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*2/ Bị đơn anh Trần N đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Tòa án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần N và chị Phan T là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa anh N và chị T, theo chị T cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau như vợ chồng được nữa, chị và anh N đã ly thân với nhau từ tháng 11/2022 đến nay không thể hàn gắn nên chị nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trần N; Còn anh N đã được Tòa án mời lên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn nhưng không đến tham gia hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của anh N và chị T đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, ly thân với nhau từ tháng 11/2022 đến nay không ai liên lạc với ai, không còn sự quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau, tình trạng mâu thuẫn giữa anh N và chị T là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Anh Trần N và chị Phan T có một con chung là cháu Trần P, sinh ngày 15/02/2018, theo chị T trình bày hiện nay cháu P đang được anh N và ông bà nội của cháu trực tiếp nuôi dưỡng, cháu P hiện nay chưa đủ 07 tuổi, từ nhỏ đến nay cháu P sống chung với cha là anh N và gia đình bên nội của cháu đã quen môi trường sống, chị T đồng ý tiếp tục giao con chung cho anh N nuôi dưỡng, anh N không có ý kiến phản đối gì về việc nuôi dưỡng con. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một*

*bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Giữa anh N và chị T mặc dù không thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giao con chung nhưng xét thấy cháu P từ nhỏ đã sống chung với anh N và từ lúc anh N và chị T ly thân với nhau từ tháng 11/2022 đến nay cháu P vẫn tiếp tục được cha ruột là anh N nuôi dưỡng, nên cần ổn định nơi sinh sống của cháu P hiện nay, giao cháu P cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp môi trường sống, không làm xáo trộn môi trường sống của cháu và không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu P cho nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho chị T không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị T đã tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cháu P hàng tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T về cấp dưỡng nuôi cháu P. Buộc chị R cấp dưỡng cho cháu Trần P, sinh ngày 15/02/2018 cho đến khi cháu P đủ 18 (mười tám) tuổi, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 13/8/2024.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Phan T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng, tổng cộng chị T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng chị Phan T được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005253 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Anh Trần N không phải chịu án phí.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**\* Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thu Thảo.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan T được ly hôn với anh Trần N.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần P, sinh ngày 15/02/2018 cho anh Trần N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Phan T có quyền

và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Phan T cấp dưỡng nuôi cháu Trần P, sinh ngày 15/02/2018 đến khi cháu P đủ 18 (mười tám) tuổi, mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 13/8/2024.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Chị Phan T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tổng cộng chị Phan T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng chị Phan T được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005253 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Anh Trần N không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- UBND xã L, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Vàng**